

Bản án số: 43 /2017/HSST

Ngày: 26 - 9 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lưu Văn Tỉnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Thư.

2. Ông Phạm Văn Dung.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên toà: Ông Lê Trịnh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 42/2017/HSST ngày 13 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1963; ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 4/10; Con ông Nguyễn Như N - sinh năm 1939 và bà Phạm Thị K- sinh năm 1942. Có vợ là Vũ Thị H, sinh năm 1968; Có 01 con, sinh năm 1996. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 13/02/2017, tạm giam từ ngày 16/02/2017, có mặt tại phiên toà.

2. Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1971; Nơi ĐKKHKT: Không, Chỗ ở (không thường xuyên): Thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Con ông Nguyễn Văn P (đã chết) và bà Tạ Thị A - sinh năm 1939, chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/8/2017, có mặt tại phiên toà.

NHẬN THẤY

Các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Ngọc T1 bị Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào hồi 12 giờ 00 ngày 13 tháng 02 năm 2017, Nguyễn Văn L, sinh năm 1985 ở thôn A, xã Đ, huyện A, Hải Phòng đi xe ôm của Vũ Văn H sinh năm 1971 ở thôn L, xã A, A, Hải Phòng đến nhà Nguyễn Văn T ở Thôn V, xã A, A, Hải Phòng để mua ma túy sử dụng. Khi gặp T, L đưa cho T 200.000đ để mua Heroin, T nhận tiền rồi lấy 04 gói giấy nhỏ chứa Heroin trong hộp kim loại màu vàng để ở

bàn nước đưa cho L, L nhận ma túy rồi hỏi T cho sử dụng nhờ tại nhà thì T đồng ý. Trong lúc L đi vào phía nhà vệ sinh để sử dụng ma túy thì lực lượng Công an ập đến bắt giữ T, thu tại túi quần T đang mặc 01 hộp nhựa trong có 07 túi nilon nhỏ chứa tinh thể màu trắng, 01 gói giấy bạc nhỏ chứa chất bột màu trắng và số tiền 200.000đ. Tiếp đó lực lượng Công an cũng đã thu giữ của L 02 gói giấy chứa chất bột màu trắng và 01 xi lanh ngay sau khi L vừa sử dụng ma túy xong.

Khám xét nơi ở của T, thu giữ tại nền nhà dưới bàn nước 01 hộp sắt kích thước (8x8x1,5)cm trong có 03 gói giấy nhỏ chứa chất bột màu trắng, 02 túi nilon nhỏ chứa tinh thể màu trắng và một số đồ vật dùng để sử dụng ma túy. Xét nghiệm chất ma túy trong nước tiểu của Nguyễn Văn L trong chiều ngày 13/02/2017 tại PC54 cho kết quả: Dương tính với Test thử chất ma túy Heroin và Methamphetamine.

Tại Bản kết luận giám định số 473/PC54(MT) ngày 16/02/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng đối với vật chứng thu được kết luận: Chất bột màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn L có trọng lượng 0,0278g trong đó có 0,0178g Heroin; Tinh thể màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn T có trọng lượng 1,7312g, có 1,0275g Methamphetamine; chất bột màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn T có trọng lượng 0,7778g, trong đó có 0,5973g Heroin.

Tại Cáo trạng số 43/CT- VKS ngày 12/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo Điểm b Khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự và tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy theo Khoản 1 Điều 198 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T1 về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo Khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận: Toàn bộ chất ma túy do Công an thu giữ tại nhà T ngày 13/02/2017 là do T tự đi mua ở khu vực đường tàu nội thành Hải Phòng của đối tượng không quen biết để sử dụng và bán lại kiếm lời. Từ ngày 10/02/2017 đến ngày 13/02/2017 mỗi ngày T đều bán cho L 200.000đ ma túy Heroin, trong đó chiều ngày 12/02/2017 khi L đến mua ma túy nhưng không gặp T mà gặp Nguyễn Ngọc T1 lúc đó đang ở nhà T. Sau khi T1 gọi điện thoại cho T để T nói chuyện với L, T đã nhờ T1 lấy 04 gói ma túy để trong hộp thuốc lá ở trong phòng bán cho L với số tiền là 200.000đ. Trưa ngày 13/02/2017, sau khi mua ma túy của T, L nói “Anh cho em chơi nhờ tí, em mệt quá” thì T đồng ý và chỉ cho L đi vào phía sau nhà để sử dụng. Ngay lúc đó lực lượng Công an ập đến bắt quả tang T, L cùng với chất ma túy cất giấu trên người.

Nguyễn Ngọc T1 khai nhận: Chiều ngày 12/02/2017, T1 đang sửa xe ở nhà T thì có một nam thanh niên đến tìm gặp T. Do lúc đó T không ở nhà nên T1 đã dùng điện thoại gọi cho T, sau khi đưa điện thoại cho người thanh niên và T nói chuyện, T đã nhờ T1 lấy 04 gói ma túy ở hộp thuốc lá để trong phòng bán cho người thanh niên trên với giá 200.000đ. Trưa ngày 13/02/2017, T1 cũng có mặt ở nhà T và chứng kiến việc T, L bị bắt về hành vi mua bán chất ma túy. Tại cơ quan Công an, lúc này T1 mới biết L chính là người đã đến nhà T mua ma túy vào chiều ngày hôm trước. T1 biết T nghiện ma túy nhưng không biết T bán ma túy từ khi nào, T1 chỉ giúp T bán ma túy duy nhất một lần vào ngày 12/02/2017.

Công bố lời khai người làm chứng có nội dung như bị cáo khai nhận tại toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trình bày lời luận tội, phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo Nguyễn Ngọc T1 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Áp dụng Điểm b Khoản 2 và Khoản 5 Điều 194; Khoản 1 Điều 198, Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 50; Điều 53 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 đến 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy 24 đến 30 tháng tù về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 09 đến 10 năm 06 tháng tù. Phạt tiền bị cáo 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Buộc bị cáo phải nộp lại 600.000 đồng do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước

Áp dụng Khoản 1 và Khoản 5 Điều 194, Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T1 24 đến 30 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ số ma túy còn lại sau giám định trong phong bì niêm phong số 473/PC54 và vỏ bao bì đựng mẫu vật gửi giám định, 03 tờ giấy bạc, 03 bật lửa ga, 02 bình thủy tinh hình trụ, 01 ống thủy tinh, 01 ống nhựa, 01 hộp nhựa màu xanh kích thước(3x13x18)cm, 04 dao lam, 50 túi nilon, 01 hộp sắt kích thước (8x8x1,5)cm, 01 lưỡi dao, 01 xi lanh đã qua sử dụng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 201.000 đồng thu của bị cáo T do phạm tội mà có.

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo

XÉT THẤY

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện A lập hồi 12 giờ 30 phút ngày 13/02/2017, vật chứng thu giữ, phù hợp với kết luận giám định số 473/MT- PC54(MT) ngày 16/2/2017 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn T có hành vi bán ma túy cho Nguyễn Văn L vào các ngày 10, 11,12,13/02/2017 và có hành vi cho Nguyễn Văn L sử dụng ma túy tại nhà của bị cáo ngày 13/02/2017. Bị cáo Nguyễn Ngọc T1 có hành vi bán ma túy cho Nguyễn Văn L vào ngày 12/02/2017. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, vi phạm Điều 194 và Điều 198 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc T1 đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy vi phạm Điều 194 Bộ luật Hình sự như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố là có căn cứ pháp luật.

Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội. Ma túy là một tệ nạn xã hội, sử dụng ma túy gây nguy hại đến sức khỏe bản thân người nghiện, làm băng hoại đạo đức lối sống, làm khánh kiệt kinh tế gia đình, là một trong những nguyên nhân lây nhiễm HIV, làm phát sinh các tội phạm khác. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy và chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo góp phần làm gia tăng tệ nạn ma túy vì lẽ đó phải xử phạt nghiêm khắc cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Xét tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn L 04 lần nên hành vi của bị cáo được coi là “phạm tội nhiều lần” vi phạm Điểm b Khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự. Đối với tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy bị cáo đã có hành vi cho Nguyễn Văn L sử dụng ma túy tại nhà 01 lần nên hành vi của bị cáo đã vi phạm Khoản 1 Điều 198 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T1 có hành vi bán ma túy cho Nguyễn Văn L 01 lần nên hành vi của bị cáo vi phạm Khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Vụ án có đồng phạm đối với tội mua bán trái phép chất ma túy, Hội đồng xét xử phân hóa vai trò như sau: Bị cáo T có vai trò chính là người mua ma túy, trực tiếp bán và nhờ bị cáo T1 bán ma túy cho Nguyễn Văn L. Bị cáo T1 là đồng phạm với vai trò giúp sức bán hộ ma túy cho bị cáo T.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai báo thành khẩn nên khi lượng hình cần áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn T phạm 02 tội nên sau khi quyết định hình phạt của mỗi tội cần áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội mua bán trái phép chất ma túy có thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bản thân không có việc làm ổn định nên xử phạt mức 7.000.000đồng là phù hợp. Đối với tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy bị cáo không thu lợi nhuận nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền 600.000đ do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T1 phạm tội mua bán trái phép chất ma túy nhưng bị cáo chỉ là người bán hộ cho bị cáo T và không có lợi nhuận hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Số ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao bì đựng mẫu vật gửi giám định, 03 tờ giấy bạc, 03 bật lửa ga, 02 bình thủy tinh hình trụ, 01 ống thủy tinh, 01 ống nhựa, 01 hộp nhựa màu xanh kích thước (3x13x18)cm, 04 dao lam, 50 túi nilon, 01 hộp sắt kích thước (8x8x1,5)cm, 01 lưỡi dao, 01 xi lanh đã qua sử dụng là vật chứng của vụ án giá trị sử dụng không lớn nên tịch thu tiêu hủy

01 tờ tiền mệnh giá 1000đ và 200.000đ thu của bị cáo Nguyễn Văn T là tiền dùng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với Nguyễn Văn L có hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy nhưng chưa đủ lượng truy cứu trách nhiệm hình sự, nhân thân chưa có tiền án tiền sự liên quan đến các tội về ma túy nên Công an huyện A đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối tượng bán ma túy cho bị cáo T Cơ quan điều tra chưa xác định được tên tuổi địa chỉ nên không có căn cứ xử lý.

Các bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy", bị cáo Nguyễn Ngọc T1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng Điểm b Khoản 2 và Khoản 5 Điều 194; Khoản 1 Điều 198, Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 50; Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 08 (tám) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy 30 (ba mươi) tháng tù về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành cho cả hai tội là 10 năm 06 tháng (mười năm sáu tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/2/2017.

Phạt tiền bị cáo 7.000.000đồng (bảy triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp lại số tiền 600.000đ do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng Khoản 1 Điều 194; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc T1 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/8/2017.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 41 Bộ luật Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao bì đựng trong phong bì niêm phong số 473/PC54, 03 tờ giấy bạc, 03 bật lửa ga, 02 bình thủy tinh hình trụ, 01 ống thủy tinh, 01 ống nhựa, 01 hộp nhựa màu xanh kích thước

(3x13x18)cm, 04 dao lam, 50 túi nilon, 01 hộp sắt kích thước (8x8x1,5)cm, 01 lưới dao, 01 xi lanh đã qua sử dụng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 201.000đồng.

(Tình trạng đặc điểm vật chứng thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/9/2017)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong các khoản tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- Phòng PV 27; Phòng PC 81; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện A;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Tĩnh